TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **158/**2024/QĐST- HNGĐ	*TP. Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: SN … Đ Đ, phường ĐS, thành phố TH, tỉnh TH

2. Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: SN … Đ Đ, phường ĐS, thành phố TH, tỉnh TH

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, (nay là phường Đông Tân, TP. Thanh Hóa) tỉnh Thanh Hóa ngày 05/6/1998. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hòa hợp nhưng không có kết quả.

Nay anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, anh chị thực sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 - Luật HN&GĐ nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T có 02 (hai) con chung là Bùi Lê Ngọc M, sinh ngày 23/10/2001 và Bùi Đức T, sinh ngày 27/3/2008. Anh chị thoả thuận: Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Đức T, anh Tcấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Cháu Bùi Lê Ngọc M đã thành niên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật HN&GĐ nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T thỏa thuận chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật. Thỏa thuận của anh chị phù với hợp quy định tại Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T như sau: Sau khi ly hôn chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Đức T, sinh ngày 27/3/2008; Anh Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 5.000.000đ *(năm triệu đồng)* kể từ ngày có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án cho đến khi Bùi Đức T đủ 18 tuổi. Cháu Bùi Lê Ngọc M, sinh ngày 23/10/2001 đã thành niên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Anh Bùi Thanh T và chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận thỏa thuận của anh T và chị T như sau: Chị Lê Thị Thanh T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001245 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ lệ phí. Anh T không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P.Đông Tân, TP.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Nga